

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-02-2024  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Thuý Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thuý Phượng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:** ông Chau Pho ly, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự;

*Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh Y, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**, có mặt;

*Bị đơn:* Bà **Đặng Thị B**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh Y trình bày:* Ông Y và bà **Đặng Thị B** tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nên vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, ly thân đã lâu nên ông Y yêu cầu được ly hôn với bà **Đặng Thị B**.

Về con chung: **Trần Thanh D**, sinh ngày 28/11/2007. Ông Y đồng ý để bà **B** nuôi con chung sau khi ly hôn, ông Y không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết; Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết bà **Đặng Thị B** có lời khai như sau: Bà và ông Trần Thanh Y qua tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, tôi không nhớ rõ có đăng ký kết hôn hay không. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chúng tôi không có hạnh phúc. Nay ông Trần Thanh Y yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: **Trần Thanh D**, sinh ngày 28/11/2007. Tôi yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: không có.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà **Đặng Thị B**.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, bà **Đặng Thị B** có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Thanh Y có mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập họp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án; Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà **Đặng Thị B** có đăng ký địa chỉ thường trú và sinh sống tại **Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa ông Y và bà **B** chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Trường hợp hôn nhân của ông Y và bà **B** sống với nhau

như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là quan hệ vợ chồng. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Y và bà B theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Về con chung: **Trần Thanh D**, sinh ngày 28/11/2007. Từ khi ly thân con chung do bà B nuôi dưỡng và ông Y cũng đồng ý để bà B tiếp tục nuôi con chung, không có tranh chấp, để đảm bảo điều kiện sinh sống, không làm thay đổi môi trường sống nên giao cháu **Thanh D** cho bà **Đặng Thị B** tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Về tài sản chung tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Thanh Y khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí. Bà B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Thanh Y. Tuyên bố không công nhận ông Trần Thanh Y và bà **Đặng Thị B** là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà **Đặng Thị B** được trực tiếp nuôi con chung tên **Trần Thanh D**, sinh ngày 28/11/2007. Ông Trần Thanh Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **Đặng Thị B** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Thanh Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết; nợ chung: không có.

4. Về án phí: Ông Trần Thanh Y phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012121 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, ông Trần Thanh Y đã nộp đủ án phí. Bà **Đặng Thị B** không chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND huyện.Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;